

Munich 2003

TỪ THẾ GIỚI ĐẾN VIỆT NAM: KIỂM THẢO VÀ ĐỀ NGHỊ

Nguyễn Hữu Liêm

Dẫn nhập: Đây là một luận đề triết học về tình trạng thế giới ngày nay. Rằng lịch sử và những vấn đề liên hệ là một hiện tượng tâm thức, những gì thuộc về bình diện thế giới và nhân loại đều có một cơ sở logic tương ứng giữa năng lực tự ý thức và cuộc đời - tất cả những mâu thuẫn, xung đột, khó khăn mà nhân loại đã và đang từng trải qua chỉ là những hiện tượng tâm thức đi tìm biết chính mình. Trên cơ sở đó lý luận đó, chúng tôi thử phân tích năng động logic tương ứng giữa con người và lịch sử dựa trên quá trình chuyển động của lịch sử tri thức tây phương và đặt Việt Nam vào trong bối cảnh lịch sử này nhằm đưa ra những đề nghị tổng quan cho cơ đồ đi tới của quốc gia và dân tộc.

Từ Tâm Thức đến Lịch Sử: Một Logic Tạo Hóa

Lịch sử là quá trình khai mở tâm thức qua thời gian - điều mà Hegel có nói đến. Và chủ đích của lịch sử là tự ý thức, khi mà lịch sử, qua tâm thức con người, biết đến chính mình. Nhưng lịch sử chuyển động qua những phạm trù logic khách quan phát xuất từ trình độ tự biết của những đơn vị lịch sử. Logic lịch sử là một bản sắc tương tác giữa chủ quan và khách quan. Năng động chuyên hóa của tiến trình tương tác này là sự vươn lên và hiện thực hóa những nguyên tắc cao hơn. Từ đó, lịch sử là sự nối kết giữa cái đã qua và cái sắp tới tùy theo khả thể tiềm tàng trong các khối lịch sử mà những tập thể năng động và tích cực nắm đầu dây chủ chốt.

Mỗi cá nhân là một đơn vị lịch sử tùy theo khả năng tự ý thức của hấn hiện thực hóa vào thực tại khách quan. Từng con người là một biến số logic trong mỗi tương tác giữa mức độ tự ý thức và ý chí hành động vào cuộc đời. Mỗi biến số logic là một tiểu vũ trụ phản ảnh và là biểu tượng cho cả vũ trụ khách quan. Thực ra, tâm thức cá nhân chính là tấm gương soi của tâm thức vũ trụ vĩ mô nhìn lại chính mình. Khi tâm thức khách quan đi tìm sự thông hiểu sự thể hiện hữu qua kinh nghiệm làm người là lúc cá nhân thao thức đi tìm chính mình qua năng động lịch sử. Kiến thức và kinh nghiệm cá nhân không gì hơn chính là sự nối kết và gặp gỡ giữa tạo hóa và biểu tượng tâm thức. Lịch sử là *logos* của tự ý thức đi tìm chính mình qua thế giới mà biện chứng chuyển động mang giá trị từ khả thể chuyên hóa của tâm thức. Vì thế, mục đích của lịch sử là sự giác ngộ tâm thức - và lịch sử chỉ có giá trị đến mức độ con người tự ý thức đến chính mình.

Vấn đề lịch sử là một vấn đề ý thức về tính lý logic tương tác giữa cá nhân và thế giới - từ năng lực ý chí cá nhân đến những phạm trù chân lý khách quan. Tất cả những hiện tượng thế gian đều là những biểu hiện của lịch sử tâm thức - là biểu dấu của một trình độ tự giác của ý thức. Trình độ tự ý thức là tầm mức phản ảnh của vũ trụ vào trong năng lực

tâm thức cá thể, là khả năng tiếp thụ phẩm chất tổng thể - chân lý - qua năng lực ý thức. Vì vậy, biến số logic của tạo hóa chỉ là vấn đề tương hệ giữa cá nhân và vũ trụ.

Cái mà được gọi là linh hồn con người chỉ là một nguyên tắc tổ chức của các năng lực cá tánh đa dạng và hỗn loạn - nói theo Aristotle. Khi nguyên tắc này đến gần với nguyên lý khách quan thì con người càng làm chủ được chính mình - tức là họ nắm được cái logic chuyển động của cái ta trong liên hệ đến đại thể tính. Từ đó mà kỷ luật, kỷ cương trở thành nền tảng cho đạo lý được hiện thực. Logic lịch sử là lý tính khách quan; nội dung đạo đức cá nhân là nguyên tắc tổ chức cá tánh nội tại được điều hướng bởi logic lịch sử - hiện thực hóa đạo lý cho hiện hữu. Bởi vậy, muốn hiểu và giao hưởng được với lịch sử cá nhân và mỗi khối lịch sử cần có cả tri thức đi đôi với năng động đạo đức nội tại nhằm nắm được cái logic của lịch sử. Hồn lịch sử chính là linh hồn cá nhân chuyển động theo logic của sử tính.

Đến Lịch Sử Nhân Loại.

Khi con người đi vào năng động tri kiến thì thực tại bị phân chia ra làm nhị nguyên: cái ta đối diện và trái nghịch với cái ngoài ta, chủ quan đối với khách quan. Lịch sử cho đến giờ này là sự vật lộn của hai phạm trù khách quan và chủ quan qua một năng động logic: hoặc là từ cá thể ra với khách quan; hay ngược lại, từ cái khách quan về với cá thể. Logic là tính phân định nguyên lý hiện hữu để tâm thức nhận thức ra nền tảng của sự thật - tức là tự ý thức. Nhưng sự thật này chỉ là cái sự thật giới hạn vào cái ta. Nó cũng là một phần của sự thật. Vì trên căn bản cá thể, con người không có khả năng tiếp nhận sự thật toàn thể. Muốn hiểu được cái gì thì phải đứng ngang hàng hay cao hơn cái đó. Tự bản chất con người như con người hiện nay, hẳn không thể hiểu được lịch sử và nguyên lý hiện hữu. Nhưng hẳn có thể vươn đến gần đến một nhận thức về logic của tạo hóa qua một số những nguyên tắc luận lý.

Nguyên tắc luận lý đầu tiên là suy giải luận (deductivism): một sự chấp nhận sự thật suy giải ra từ một khối tiền đề nguyên lý phổ biến và căn bản. Khởi điểm của ý thức giữa cá nhân và vũ trụ khi con người đến với suy giải luận là năng thức tôn giáo: niềm tin vào nguyên đề - một nền tảng sự thật tuyệt đối và toàn diện (universal premise) - mà từ đó chân lý của hiện hữu trên cơ bản cá nhân chỉ là một tiểu đề (particular premise). Nguyên đề này được mang nhiều tên gọi, khái niệm, và biểu tượng khác nhau. Chúng là những thần đế (gods) của con người. Thần đế là một đối thể của tâm thức muốn đi tìm chính mình qua một nền tảng chân lý khách quan. Tâm thức nào thì thần đế đó. Hiện tượng của khối tâm thức đi tìm chính mình bằng hình ảnh thần đế qua thời gian chính là lịch sử. Bản chất lịch sử là một tiến trình ngoại thân hóa (externalization) của năng lực tôn giáo tiềm tàng trong mỗi cá nhân và khối lịch sử liên hệ. Sẽ không có lịch sử nếu không có nội dung tôn giáo - cái năng lực nhiệt tình để vươn về một chân trời toàn hảo và cao hơn. Tôn giáo ở đây bao gồm tất cả những thiên hình vạn trạng của nó - kể cả những năng lực

cách mạng và chính trị với những phạm trù lý tưởng toàn hảo và tuyệt đối. Con người là con vật lịch sử chính vì hẳn là con vật tôn giáo.

Lịch sử là pháp thân và là biện minh của tôn giáo - ngoại thể tính của ý chí hiện thực hóa chân lý qua thế giới khách quan. Ý chí tôn giáo khi hiện thực hóa qua biện minh lịch sử mang một sức mạnh cao độ. Sức mạnh này là tinh thần chắc chắn cuồng tín (fanatical certainty) về giá trị nguyên đề mà con người lịch sử đang nung nấu. Máu cuồng tín tự bản chất là một năng lực bẩm sinh khi lý tính tư duy bị chiếm đoạt bởi lòng nhiệt thành của trái tim. Nhưng hơn thế nữa, tinh thần chắc chắn cuồng tín có gốc rễ liên hệ giữa logic và thực tế: năng ý vươn lên tính hợp lý suy giải (deductive validity) bằng cách biến nó thành hợp lý lịch sử (historical validity).

Cái chuỗi liên hệ nhân quả giữa tinh thần tôn giáo và hệ quả chính trị là sợi dây luận lý suy giải (deductive logic) đi từ bản năng tôn giáo được chuyển hóa vào năng lực lý tưởng cho thế gian. Khi con người không còn tìm kiếm được thiên đường, cứu rỗi bằng tính hợp lý suy giải duy ở tôn giáo thì tính hợp lý suy giải này biến thành năng lực biện minh thế gian qua chính trị. Không có ý chí tôn giáo thì chính trị là trống rỗng; không có chính trị thì tôn giáo thiếu thế gian.

Thế còn con người tôn giáo? Thực ra hẳn không muốn trở thành con người chính trị. Nhưng hẳn bị ép buộc đi vào lịch sử bằng ý chí chính trị khi ý chí tôn giáo bị thất bại. Nói như Kant thì con người không ngu gì mà cứ hoang phí năng lực hiện hữu cho thiên đường mãi được. Sự thất bại của con người tôn giáo tây phương là một thực tế sự kiện của luận lý: cái tiểu đề cá thể không hoàn toàn trách nhiệm tôn giáo của nó để cung ứng tính hợp lý suy giải. Hợp lý suy giải đòi hỏi một mệnh lệnh luận lý rằng, khi nguyên đề phổ quát và tiểu đề đặc thù là đúng thì kết luận phải đúng. Cái đúng ở đây chỉ là cái đúng của mệnh lệnh luận lý trong tinh thần tôn giáo. Cái khó là tiểu đề cá nhân không thể nào làm đúng cho chính mình - thành ra mệnh lệnh luận lý của tôn giáo cứ bị hư hỏng mãi. Tức là, bài toán luận lý suy giải không thể trở nên hợp lý - *the deductive reasoning perpetually fails to be valid*. Từ đó, con người tôn giáo đổ tội cho sự sai lầm của nguyên đề, giả từ tôn giáo bằng cách từ chối vai trò tiểu đề nhằm hoàn thành mệnh lệnh sự thật cho chính mình. Chính trị và lịch sử trí thức tây phương là quá trình vùng vẫy thất vọng của tiểu đề cá nhân tôn giáo trong nỗ lực làm hợp lý cái quy trình logic *sylogism* mà nguyên đề chỉ là một đối thể của đức tin.

Lịch sử trí thức tây phương từ Hy Lạp là quá trình từ bỏ suy giải luận (deductivism) để hướng về quy nạp luận (inductivism). Quy nạp luận bắt đầu từ những đơn vị sự thật đặc thù và cá thể để dự phóng một sự thật tổng quan vốn là có thể nhưng không có giá trị chân lý chắc chắn. Chúng ta thấy sự chuyển hướng này trên tiến trình chuyển hướng trí thức từ Hy Lạp qua Âu Châu: từ *Platonism* ("to be is to be universal") đến *Aristotelianism* ("to be is to be particular"), từ *scholasticism* (giáo điều) đến *Cartesianism* (ngghi ngờ là khởi điểm của chắc chắn) - tức là, từ thần học đến khoa học. Tất cả những

khuynh hướng trên đều cùng mang một bản chất: từ bỏ nguyên đề nền tảng của một chân lý có sẵn nhằm vươn đến một biện minh chân lý từ những đơn vị sự thật đặc thù. Đây cũng là hành trình khởi đi từ niềm tin vào cá thể phân định nhằm tiến đến những phạm trù giả định của lý thuyết - một hành trình trí thức có gốc rễ tôn giáo chuyển sang khoa học thực nghiệm.

Cao trào khoa học thực nghiệm, tuy nhiên, đi xa hơn logic quy nạp. Khi tiền đề của sự thật là những đơn vị bằng chứng thiếu thống nhất thì những chế độ của khái niệm và lý thuyết trở nên là những chân lý mơ hồ. Nền tảng của tri thức từ đó không được thỏa mãn vì cái tinh hoa của sự thật chỉ ở phạm trù trừu tượng vốn thiếu một nền móng cơ bản. Cái năng ý về nền tảng và tinh hoa (the will to foundationalism and essentialism) cho sự vật do đó đã không được đáp ứng bởi quy nạp luận. Vậy thì đâu là đơn vị cơ bản cho sự chắc chắn của tri kiến (certainty of knowledge)? Trí thức tây phương khởi đi từ Descartes đến Berkeley cho đến Russell, Wittgenstein và trường phái *logical positivism* cổ võ cho một chiều hướng chắc chắn của tri kiến từ căn bản cá thể - song song với niềm tin vào thực nghiệm luận và khả năng lý thuyết hóa của khoa học hiện đại.

Vấn đề là một sự lúng túng cơ bản: Nếu sự thật đến từ những đơn vị bằng chứng kiểm nhận bởi giác quan chỉ để biện minh cho một cõi chân lý thuần lý thuyết thì câu hỏi của chắc chắn tri kiến đang dựa vào hai bờ đất cát (giác quan và lý thuyết trừu tượng) rất là mềm yếu và bất định. Từ đó, năng lực trí thức tây phương khởi lên một ý chí mới: chống lý thuyết. Tức là, tri kiến cá thể không thể có tự tin và chắc chắn vào lý thuyết. Từ Hume cho đến Wittgenstein về sau đại diện cho năng ý từ bỏ chế độ lý thuyết cho chân lý. Khi không có lý thuyết thì con người chỉ còn có sự kiện (facts) nhưng mà hẳn lại không có khả năng đương đầu với sự kiện chỉ ở tầm mức giác quan. Sự kiện cần có ý nghĩa cho sự thể hiện hữu của chúng. Nếu không, sự kiện trở nên sự thật hiển nhiên, phủ phàng và hoàn toàn vô nghĩa nếu chúng không được đem vào một cái nhìn chung. Thế giới ngày nay là một cõi tràn ngập sự kiện - mà vấn đề là đi tìm một mẫu số sự thật cho nguyên nhân của sự kiện nhằm thoát ra sự áp bức của chúng. Đây là ý chí thoát ly ra khỏi sự áp bức của sự thể không thể chối từ của đời sống và lịch sử. Khoa học chỉ giải thích sự kiện bằng diễn tả nhưng không thể cung cấp ý nghĩa - nó chỉ trả lời câu hỏi "cái gì" chứ không trả lời được cho vấn nạn "tại sao." Hệ thống phương pháp luận của khoa học, vốn đặt cơ bản trên quy nạp luận từ sự kiện cá thể, không thể đi xa hơn cái tiêu chuẩn "falsifiability" của Popper. Khoa học tự trói tay chân của nó bằng biên độ phương pháp luận và chế độ logic của mình.

Trí thức tây phương rơi vào một khoảng trống mới mà trong đó tất cả những cơ bản sự thật phát xuất từ cảm quan, lý thuyết, trực giác, đều bị phủ nhận. Ngay cả một trực giác chắc chắn trên cơ bản lý tính (intuitive-rational certainty) cũng đều bị nghi ngờ. Vậy thì cái gì biện minh cho cái chắc chắn của sự kiện (the foundation for factual certainty)? Chính ta đây. Đó là câu trả lời mà Descartes giới thiệu và Berkeley nhấn mạnh. Tuy nhiên cái chắc chắn về chính ta của Descartes và Berkeley vẫn còn là một cơ sở biện

minh cho niềm tin vào một đối thể chân lý (God), cái chắc chắn về ta chỉ là ân sủng của Thượng Đế như là bằng chứng của niềm tin vốn không thể lý giải và truyền đạt ra ngoài kinh nghiệm nội tại bản thân. Cái chắc chắn về ta chỉ là một vế trong niềm tin vững chắc cho Thượng Đế.

Đến hôm nay thì cái ta này đứng một mình và nghi ngờ luôn cả chính mình và cả luôn cái nghi ngờ của hẳn. Và kết quả là một quy chế luận lý mới: *quy giảm luận (reductionism)* - tất cả ý nghĩa, quy luật tổng quan, phổ quát đều có gốc rễ từ giá trị của những đơn vị cá thể liên hệ. Không những thế, quy giảm luận mang một cứu cánh tính tự hữu cho những đơn vị cá thể. Cái *teleology* không nằm nơi cứu cánh tối hậu vượt ra ngoài đơn vị cá thể; mà chân lý, cứu cánh tồn tại nơi chính nó - *the immanent teleology of the particulars* - từng đơn vị cá thể mang một cứu cánh tính nội tại, đủ cho chính mình.

Quy giảm luận khác với quy nạp luận (inductivism) ở chỗ rằng trên cơ sở quy nạp luận, đơn vị sự kiện đặc thù chỉ là cơ bản bằng chứng chứ không phải là giá trị và sự thật. Tức là, quy nạp luận vẫn nằm trong truyền thống của suy giải luận (deductivism). Còn quy giảm luận (reductionism) thì khác hẳn: nó lấy cá thể đặc thù làm chân lý - và ngoài phạm trù cá thể đặc thù ra, tất cả mọi chân lý chỉ là sự suy phóng, giả định thiếu cơ sở vững chắc. Đây là chủ trương "sự thật nguyên tử" (atomic truth) mà một trong những trường phái triết học và logic biện minh luận lý cho nó là *logical atomism* của Russell và Wittgenstein ở Anh quốc khoảng giữa thế kỷ trước. Mặc dù *logical atomism* nay không còn là một trường phái thịnh hành ở Anh và Mỹ nhưng cơ bản của quy giảm luận vẫn là nền móng cho những giá trị thời đại - nếu không nói là cả gần thế kỷ qua. Đây là vấn đề chung của thời đại: giá trị hoàn toàn đặt cơ sở trên đơn vị cá thể, từ đơn vị sự kiện (atomic facts) cho khoa học; còn giá trị con người thì mỗi cá nhân là đơn vị duy nhất chứng thực cho chân lý.

Đây là một sai lỗi cơ bản của logic và cơ sở giá trị của văn minh tây phương hiện nay - mà nay đã lây nhiễm ra cả cộng đồng thế giới vốn nhắm mắt chạy theo văn minh tây phương một cách vô ý thức.

Từ *Surangama Sutra* đến Kant

Trong *Kinh Lăng Nghiêm* (Surangama Sutra) thì điều mà Phật Thích Ca Mâu Ni nhấn mạnh nhiều lần cho Ananda và các đệ tử của Ngài rằng cái biết của cá thể chỉ là một sự thể tương tác của cá nhân và tính giác thường hằng. Tức là cá nhân khi kinh nghiệm một sự việc chỉ là một cơ hội cho "cái biết thường hằng" được hiện thể mà thôi. Kinh nghiệm và tri thức cá nhân chỉ là một hiện thân (instantiation) của tri kiến tuyệt đối và vĩnh cửu vượt qua cá nhân và sự kiện. Đây cũng là cơ bản của tri thức luận *transcendentalism* của Kant: Tri kiến khởi đi từ kinh nghiệm; nhưng tri kiến không phải sinh ra từ kinh nghiệm. Kinh nghiệm chỉ là thời điểm và cơ hội tác động tri kiến - chứ kinh nghiệm không là nguồn gốc của cái biết. Cũng giống như ngọn nến đang cháy là cơ hội cho ngọn lửa hiện

thân - chứ không phải rằng ngọn nến là nguyên nhân đủ cho lửa. Dầu có ngọn lửa của nến hay không thì lửa vẫn tồn tại.

Cái cơ sở cho sinh thức thời đại là bám lấy vào các sự kiện cá thể như là những nguyên nhân đủ cho giá trị và cứu cánh. Đây là sự trộn lẫn giữa tri thức luận trên cơ bản logic (logical epistemology) với bản thể luận của sự kiện (factual ontology). Sự nhầm lẫn này tạo nên một năng lực căng thẳng cho tâm thức thời đại: một đằng thì phủ nhận *ontology* cho chân lý của sự kiện; đằng ngược lại thì muốn thoát ra khỏi sự áp bức của sự kiện bằng một ý chí cứu cánh trên cơ bản *ontology*. Tức là, con người thời đại tin vào ý chí cá thể, tin vào khoa học thực nghiệm, cảm nhận rõ ràng và chắc chắn về chính mình và sự kiện của cuộc sống; nhưng hấn vẫn còn mang một năng lực tôn giáo trong truyền thống chân lý *deductivism* với ý chí tìm về với một phạm trù nguyên đề tuyệt đối vững chắc.

Năng lực tôn giáo - *deductivism*- này không thể được phủ nhận bằng lý trí hay cảm tính. Nó tiềm tàng và thôi thúc con người thời đại như là sự thể tính dục của đời sống thân xác, dù có muốn hay không, nó vẫn là một sự kiện có sẵn phải đương đầu. Ý chí chân lý tôn giáo đưa con người ra khỏi sự sống thuần hữu cơ; trong khi đó, tính dục duy trì hấn vào cõi sống của sinh vật. Vấn đề là hấn nhân danh lý tính để từ chối ý chí tôn giáo nhưng đồng lúc khai mở thêm và làm chắc chắn thêm cho những hệ thống biện minh cho giá trị thuần hữu cơ của thân xác và tâm lý thường nghiệm. Nietzsche đại diện cho cái dẫn vật giữa hai ý chí; còn Freud thì đại diện cho cánh cửa biện minh cho tầng *basement* để chỉ coi con người không khác gì là thú vật.

Cái khuynh hướng trí thức của con người tây phương là năng ý giải thích sự kiện bằng bản thể luận và bằng lý thuyết với niềm tin rằng nấc thang thăng tiến của ý thức phải được minh định qua từng bước và chuẩn mực khái niệm. Không thể hiểu được và thông quán được thực tại hiện tượng ngoài khái niệm - kể cả thẩm mỹ. Theo tôi, mệnh lệnh phát huy lý tính trong triết học của Kant là điều cần thiết, nhưng chắc chắn là chưa đủ. Cái giới hạn của Kant là đóng cánh cửa tri giác của cõi huyền nhiệm ("the noumena") và chỉ cho phép con người tri hành ở biên giới hiện tượng. Hegel cố gắng giải hóa giới hạn này bằng biện chứng duy tâm tuyệt đối với công thức: những phạm trù suy tưởng chính là thực tại của sự hữu ("The categories of thought are the categories of being").

Vấn đề của biện chứng duy tâm Hegel là tham vọng bao gồm hết tất cả mọi phương diện của sự thể từ hiện tượng cho đến bản chất bằng *Geist* - một *ontological identity* có gốc rễ từ Thiên Chúa Giáo. Marx cố gắng hoàn chỉnh biện chứng tinh thần này bằng cách bao gồm thực tế sự kiện của lịch sử và xã hội vào trong phương trình biện chứng. Thực sự, Marx không có đảo ngược biện chứng duy tâm luận của Hegel bằng duy vật luận - như triết học vẫn suy luận. Marx chỉ bổ xung hệ thống *ontology* của Hegel bằng cách trám vào lỗ hổng triết học Hegel bằng chất liệu lịch sử. Marx (và Freud) chỉ là một thời quán (moment) trong biện chứng lịch sử tư tưởng nhân loại đang đi tìm chính mình (tự ý

thức/giác ngộ) bằng cách đem ánh sáng khái niệm vào tất cả mọi gốc tối và tha hóa (the alienated) của sự kiện.

Nếu chỉ bám vào Marx mà không đặt cơ bản vào Hegel thì bản thể luận sẽ không giải thích được hiện tượng và sự kiện. Khi con người không thể hiểu sự kiện từ trên cao hay đứng ngang hàng thì hẳn giải thích từ phía dưới lên trên. Marx, Freud và các phong trào *deconstructionism* (giải cấu luận) và *logical positivism* (logic thực nghiệm luận) là biểu trưng cho lối giải thích này: lấy cái thấp để đo cái cao. Triết học tây phương sau Hegel là những mảnh vụn lặt từ sự đổ nát của ngôi nhà *ontological metaphysics* khi con người tây phương không còn niềm tin vào trực giác và tri kiến đứng từ chiều cao. Phong trào chống truyền thống Thiên Chúa Giáo của trí thức tây phương đã đi quá đà và tự làm nghèo và trói tay chính mình. Thay vì nâng cao chủ nghĩa nhân bản, câu nói của Marx rằng "đối với con người thì gốc rễ là con người," đã hạ thấp giá trị nhân loại. Con người không thể là thước đo cho tất cả hay cho cả chính mình vì giá trị nhân bản nằm cao hơn và vượt qua khỏi con người.

Khi không còn niềm tin và chắc chắn vào *ontology* từ chiều cao, con người tây phương chỉ biết bám vào quy giảm luận (reductionism): quy luật tổng quan có thể được giải thích bởi quy luật đơn vị, thượng đế được giải thích bằng con người cá thể, tính biết được giải thích bằng kinh nghiệm tri kiến, năng động tri thức bằng cơ năng điện toán, vũ trụ bằng đơn vị nguyên tử, lịch sử bằng tâm ý cá nhân. Hơn thế nữa, mọi khái niệm trên nền tảng nguyên lý đều cũng bị đã phá bằng một hệ thống khái niệm phủ định: tình cờ, ngẫu nhiên, hỗn loạn, vô ý nghĩa. Câu nói của Steven Weinsberg trong *The First Three Minutes* rằng "the more the universe seems comprehensible, the more it seems pointless" thâu tóm được tinh thần của trí thức hiện đại: cái niềm tin vào ý nghĩa trên cơ bản *ontology* chỉ là một cơn say còn lại từ truyền thống tôn giáo hữu thần - một xa xỉ phẩm phí phạm và không cần thiết.

Hệ quả của tinh thần "giải cấu" trên cơ sở logic của quy giảm luận là một tâm ý đầy bất định và *cynical* về khả thể huyền nhiệm. Điều còn lại là khoa học thực nghiệm, đời sống thân xác với thế gian này là tất cả. Lịch sử vốn đã được nâng lên ngang hàng với thượng đế (historicism/sử định luận) nay lại bị vấp xuống chuồng tri thức cho gia súc giẫm lên. Sự sụp đổ ngoạn mục của *Marxism* cho thấy điều này rõ nhất.

Thế giới tri thức trong logic quy giảm luận chỉ còn là một hệ thống diễn tả (descriptions) mà ở đó là sự vắng bóng của mệnh lệnh nguyên tắc cùng lúc phủ định cả cơ năng nhân quả (anti-causalism). Từ đó, cứu cánh luận (teleology) cũng bị từ chối luôn với sự phủ định quá khứ và tương lai. Cái còn lại là năng ý tiêu thụ hiện tại trong bối cảnh thân xác và những liên đới cần thiết. Thượng đế bây giờ là cái ta cá nhân mà hiện thân của cái ta ở tầm mức đại thể là quốc gia. Chủ nghĩa quốc gia là năng lực cá thể đi tìm thần đế trên căn bản giới hạn thuần vị kỷ. Năng lực quốc gia phát xuất từ một tâm lý tự ái nay là cơ

năng tích cực duy nhất để lo chuyện hiện hữu. Tình yêu nước là biến thể của tình yêu chính ta - biện minh ái quốc thay thế cho tình yêu thần thánh.

Giữa Thường Nghiệm và Huyền Nhiệm: Giữa Hồi Giáo và Tây Phương

Cái năng động mâu thuẫn và căng thẳng của con người thời đại, cả đông lẫn tây, cả nam lẫn bắc, là sự giằng co giữa gánh nặng thường nghiệm đối với ý chí huyền nhiệm. Đó là sự vật lộn giữa năng ý lịch sử của cái ta cá nhân và cuộc đời thể gian đối với mệnh lệnh huyền nhiệm tôn giáo. Con người lý tính thực nghiệm không giải hóa con người tinh thần mang tầm ý giải thoát. Khoái lạc cá nhân, liên đới xã hội, ý thức lịch sử, chủ nghĩa quốc gia với lòng yêu nước không làm họ an lạc được. Họ thiếu lịch sử làm tiền đề cứu cánh - con chim biện chứng bị cắt bỏ đôi cánh *teleology* chỉ còn biết lo cái tổ trên cành cây quốc gia và lòng yêu nước chỉ là một tinh thần phương tiện.

Cái gì ở bên trên thì như thế ở bên dưới, cái gì bên trong chính là bên ngoài - *as above, so below; as inside, so outside*. Cái tình trạng căng thẳng của con người hiện nay giữa ý chí thể tục và ý chí huyền nhiệm vượt thoát đang được chuyển sang một giai đoạn khác. Năng lực mâu thuẫn này hiện thân ra trên mặt hiện tượng của chính trị và xã hội phổ biến và toàn cầu. Hãy gọi bản chất xung đột này là một biến hóa của chiến tranh tôn giáo được đem từ đời sống nội tâm ra ngoài thế gian. Mỗi thời đại có một thứ "thánh chiến" riêng. Thế kỷ 20 là loại thánh chiến giữa lý tưởng xã hội chủ nghĩa (ý chí tôn giáo muốn biến thế gian thành thiên đường) và tư bản (ý chí khai mở tham vọng thế gian). Thế kỷ 21 là thời quán mới cũng là một thứ thánh chiến dưới dạng khác: giữa ý chí tôn giáo đối với ý chí thể tục, giữa *deductivism* đối với *reductionism*, giữa *theocracy* Hồi Giáo đối với dân chủ tây phương. Hãy nhìn những cặp mắt đầy niềm tin tuyệt đối vào huyền nhiệm tôn giáo của người Muslims đang nhìn chăm hờn vào những cặp mắt trống rỗng đầy thể tục của người tây phương. Hai phía đang trừng đôi người trực diện như là hai ý chí, hai năng lực, hai nguồn logic đang tranh thủ nhau cho khoảng không gian lịch sử kế tiếp - năng lực tôn giáo trung cổ từ những văn hóa bảo thủ và đầy nhiệt tình của những khối dân chưa thức dậy với lý tính đôi đầu với một tinh thần thời đại tây phương, lý tính và đầy hãnh tiến, cao ngạo. Khối cực đoan Hồi Giáo đang bị khiêu khích, đang bị tự ái, đang bị thử thách bởi tinh thần tây phương hỗn láo, tự cao, tự tin - họ đang mang một thứ tâm lý *resentment* (chạm tự ái) cao độ - tâm lý này được nấu chung với tinh thần tôn giáo cực đoan cũng giống như các phong trào cộng sản chống thực dân ở thế kỷ trước. Cái ta của họ đầy bất mãn, hận thù nung bởi nhiệt tình lý tưởng, tôn giáo (hay yêu nước), trong cấu trúc lý giải luận *deductivism* vốn đưa cá nhân thành một tiểu đề (a particular premise) cho mục tiêu hợp lý hóa (validity) cho Thượng Đế hay cho lịch sử (the universal premise). Kẻ có niềm tin là những *deductivists*; kẻ ngoại đạo ("infidels") là những *reductionists*. Phía dân chủ tây phương thì tự tin vào sự rộng mở, đa nguyên tính, thuận thể tục và thuận thực nghiệm, chỉ có con người là thước đo cho tất cả và là cứu cánh cho sự kiện lịch sử. Hai năng thức logic đụng độ nhau trên bề mặt sử tính mà kẻ tham dự một cách vô thức trong ý chí đi tìm chính mình biến ý chí tinh thức thành ý chí chinh phục thể

gian. Đây là đầu mối bi thảm và buồn cười của con người hiện nay ở khắp mọi nơi. Càng vững vẫy để đi tìm tính hợp lý cho tiền đề đại thể qua phạm trù tôn giáo thì con người Hồi giáo càng rơi vào vũng lầy đầy đọa của hận thù và bi kịch hệ lụy của đời sống; càng hãnh tiến đi làm chủ thế gian nhằm vinh danh cá thể con người tây phương càng đào hố sâu chôn lấp chính mình trong bận rộn trống rỗng vô nghĩa thuần thể tục. Cả hai phía đang nhắc nhở phía kia bằng bạo hành, bằng khinh mạn, bằng giáo điều. Mỗi bên cầm một chiếc roi riêng theo kiểu của mình nhắm đánh thức phía bên kia trong khi mình thì cứ ngủ say với cái vô minh, ảo vọng của mình. Hai bên không nhìn thấy kẻ thù trong chính ta. Con người vẫn thích làm bạn với ngu dốt hơn là khơi động kẻ thù có lý trí, mãi bận tâm đánh đổ cái thấp mà quên chính mình phải leo cao hơn.

Từ một góc độ khác thì những mâu thuẫn văn minh hiện nay tự bản chất không phải là sự đụng chạm giữa các nền văn minh lớn, như là luận đề phổ biến của Huntington thường được nhắc đến, mà là sự mâu thuẫn giữa những năng động văn hóa bị gạt ra bên lề trên con lộ hiện đại hóa mang bản sắc thuần tây phương. Từ luận đề logic mà tôi nêu lên ở đây, khối bảo thủ cực đoan của Hồi giáo đang thể hiện ý chí vươn mình lên đánh đổ tiền đề quy giảm luận *reductionism* của năng động văn minh tây phương hiện nay. Đây là cuộc thánh chiến giữa kẻ có niềm tin (deductivist) đối với kẻ ngoại đạo (reductionist). Đây cũng là một năng lực song song với ý chí cá thể đi tìm thiết yếu tính luận lý cho chính mình ("will to logical necessity") trong quy trình quy giảm luận. Tức là, trong năng động *reductionism*, cái ta của thời đại là khởi điểm và cứu cánh chân lý, nhưng mà là một cái ta thuần trừu tượng, trong khi trên thực tế thì cái ta thực thể này bị bỏ quên. Do đó, những khối tiền đề luận lý từ cơ sở của cái ta cá nhân cố gắng vươn lên bằng mọi giá. Đây là một thời đại mới - một thời quán mà con người từng cá thể và từng góc cạnh của bóng tối ý thức bắt đầu biết đến chính mình và muốn đem mình ra với ánh sáng lịch sử bằng cách dành lấy cái không gian quyền lực trên trường văn minh thế giới. Con người mới bắt đầu có khả năng tự ý thức thường trở thành những phần tử cực đoan vì cái ý chí tự biết đến chính mình được chuyển hóa thành ý chí chinh phục thế gian. Góc tối của kẻ vô sản và cùng khổ đã được *Marxism* đánh thức thế kỷ trước; thế kỷ này thì là các khối tôn giáo và chủng tộc đã từng bị bỏ quên. Hãy coi chừng: ngọn lửa "thánh chiến" của họ sẽ đốt cháy thế gian này.

Nói như thế cũng không phải chúng tôi đánh giá các phong trào Hồi giáo cực đoan chỉ là một mảnh vụn của thời đại. Từ một góc độ thông hiểu và cảm nhận được ý chí vươn lên của họ thì họ là một động cơ, một góc tâm thức nhân loại đang vươn lên tìm không gian và thời quán cho chính mình trên chuyến tàu chung của nhân loại. Mỗi lần thức dậy là một nỗi khổ đau; mỗi khi lớn lên là cả một chuỗi dài vật lộn với thế gian và chính mình. Cái logic của tạo hóa qua lịch sử và con người là của một công trường sản xuất khổ đau - mà chỉ từ trong khổ đau thì con người mới nhận ra chính mình. Gian khổ, thương tổn, dằn vặt là nhiệt lượng chuyển hóa tâm thức. Kẻ đứng thấp chỉ thấy cái đau thân xác, kẻ lên tầng kế tiếp nghiệm thấy cái đau tâm lý, ngã mạn, cảm xúc. Cho đến mức độ tinh thần thì hẳn mới thấy một cái đau khác mà hẳn nhận ra rằng nếu với bản chất tâm thức và

hành hoạt ở mức độ con người trên thế gian như là hiện nay thì hẳn không thoát đi đâu cả. Thế gian, lịch sử và thân thể này là một nhà tù tâm thức chặt chẽ và khắc nghiệt mà mỗi người sinh ra đã nhận một bản án chung thân. "And the life of this world is but a cheating fruition" (The Koran, Sura 3).

Cái sứ mạng của kẻ trí là hãy nhận ra tình huống tù ngục của hiện hữu để mà bước lên bằng ý chí khai sáng chính ta và thế gian. Con người hiểu biết đến điều đó là gạch nối giữa khả thể thoát ly từ thế gian u tối và vọng loạn. Cái logic của kẻ sĩ không bị vướng vào vũng lầy của *deductivism* với cực đoan của tôn giáo, quốc gia và cũng không lầy nhiễm cái chủ nghĩa *reductionism* hiện nay vốn chỉ coi con người và thế gian với chính ta là tất cả. Con người tự nó là một tiền đề logic chuyển hóa mà giá trị của nó nằm ở mức độ tinh thức.

Một Thiết Yếu Tính Luận Lý cho Việt Nam

Trong khung hoảng của quy giảm luận, chủ nghĩa quốc gia, mặc dầu đã được phát sinh cả hàng nghìn năm, nay lại đi về lại cái năng ý *deductivism* với tinh thần tôn giáo. Khi lý tính cố gắng hóa giải ý chí tôn giáo nhưng gốc rễ của niềm tin vào huyền nhiệm vẫn còn đó, con người yêu nước cận đại thay thế tổ quốc cho thần để để tiêu hóa chính mình. Lịch sử Việt Nam trong suốt thế kỷ 20 là ngọn lửa *deductivism* trong sức nóng nhiệt thành cho tình yêu thần để huyền nhiệm qua đối tượng quốc gia và dân tộc. Ta sinh ra để cống hiến cho nước nhà, cho tổ quốc, cho dân tộc. Cái ta này không còn là cái ta cá thể mà là cái ta đại thể qua đảng, qua lòng yêu nước, qua ý chí hy sinh. Cá nhân Việt Nam muốn biến cái ta thành một tiêu đề lịch sử nhằm hoàn tất cái *logical validity* bởi ý chí quốc gia. Những hy sinh lớn lao và kinh khủng của những thế hệ Việt Nam cho chủ nghĩa yêu nước đã hoàn tất phần nào tính hợp lý của cơ chế *logical deductivism*. Lòng yêu nước của người Việt Nam được gói trọn vào logic của sử định luận trong sự vươn lên của ý chí hiện đại hóa. Khi Việt Nam được thống nhất năm 1975 là lúc mà năng lực *logic deductivism* hoàn tất, câu kết luận đã trở nên hợp lý từ trong hai tiền đề của quốc gia và cá thể. Đó là thời điểm mà lịch sử đã đi hết cái *teleology* nội tại - cái ngọn lửa yêu nước đã đốt cháy và tiêu thụ hết ngọn nến sử mệnh để rồi quốc gia và lịch sử không còn đóng vai giá trị thượng tôn và thiết yếu cho tâm thức con người Việt Nam.

Cuộc chiến thắng 1975 là một chiến thắng lịch sử của dân tộc, và đứng trên tình cảm dân tộc và quốc gia, người Việt có quyền hãnh diện. Tuy nhiên, đây là một chiến thắng từ phía dưới - từ con người cho đến ý thức hệ. Khi một ý thức hệ cực đoan đem vào trong một nhu cầu thiết yếu của thời đại bởi một khối lịch sử cuồng nhiệt và thiếu ý thức, thì lịch sử Việt Nam rơi vào một vũng lầy tiến hóa: khi mà năng động tâm thức thấp làm chủ lịch sử và áp đặt một tiền đề lịch sử trên cơ sở logic *deductivism*.

Từ đó, lịch sử Việt Nam đang phải trả một giá đắt vì cái năng động phía dưới này khi được vươn lên trên bình diện lịch sử, nó phải tiêu thụ cái thô bạo và sống sượng của nó -

một *purgatory stage* phải được kinh qua nhằm cho khối tâm thức lịch sử mới này được tiến hóa đến tầm mức tự ý thức. Cho nên, cho dù giới trí thức Việt Nam hải ngoại nếu có ít nhiều thông cảm dành cho chế độ chính trị và công quyền cũng như là nhân sự hiện nay với những cố gắng lớn lao của họ trước những nhu cầu và thử thách khó khăn, họ cũng đồng lúc cảm thấy bị dị ứng khi đến gần. Khối nhân sự công quyền hiện nay của Việt Nam thì cũng giống như là một anh nông dân mới lên tỉnh: khi con người bắt đầu biết đến chính mình trong một môi trường kinh tế và xã hội mới, nếu không có một cơ sở văn hóa chính dòng vững mạnh để điều hướng họ, thì họ sẽ trở nên những con người rất dễ bị hư hỏng. Nói theo Hegel thì đây là cái nguy hiểm của những tâm thức *an sich* (tự chính nó) đang tiến lên *fur sich* (cho chính mình). May thay là cơ đồ lịch sử của tiền nhân chúng ta còn lớn để điều hướng chế độ chính trị hiện nay, thêm vào đó là sự giao lưu kinh tế và văn hóa với thế giới bên ngoài, Việt Nam đang thoát được cái vũng lầy tâm thức mà chúng ta từng bị ứ đọng. Phải nói rằng, Việt Nam đang ở trong một nấc thang tiến hóa khả dĩ, mà trên bậc thang này, đang có một khối quần chúng lớn lao - đặc biệt là từ những giai cấp thấp hèn - được tham dự vào năng động kinh tế và chính trị nước nhà để cùng nhau vươn lên. "Tia lửa sấm sét của tư duy quét sáng vùng đất ngây thơ của con người - *the lightning of thought strikes in this naive soil of the people* (Marx)." Ly nước tâm thức Việt Nam phải được quậy lên từ tận đáy bùn cho lịch sử có cơ hội thanh lọc. Dù cho cả ly nước đang bị đục ngầu, với thời gian nó cũng sẽ trong sạch dần. Đây là một điều đáng mừng. Nhưng thảm họa cho Việt Nam vẫn còn đó.

Nếu Việt Nam vẫn tiếp tục sự áp đặt một tiền đề chính trị và kinh tế lớn từ trên xuống theo quy tắc *deductivism* trong tinh thần giáo điều quá khứ trong khi giá trị của tiền đề (universal premise) này không xứng đáng với vai trò của nó, đi đôi với sự hư hỏng và sai lầm của các tiểu đề (particular premises) liên hệ, cả khối logic của chính trị và công quyền Việt Nam sẽ trở thành vô lý (deductively invalid). Những điều kiện cho sự thất bại của chính trị và công quyền Việt Nam hiện nay bắt nguồn từ một năng động logic trong quy trình suy giải đó.

- Từ đó, việc đầu tiên là tránh logic suy giải (*deductivism*) cho chính trị và công quyền Việt Nam

Đối với trình độ dân trí và điều kiện xã hội Việt Nam thì cái cảm dỗ đầu tiên trong mọi phác họa chính sách đều bị rơi vào cảm dỗ của logic suy giải. Khi cơ chế xã hội dân sự (civil society) và văn hóa công dân (civic culture) chưa được phát huy đến mức độ hiệu năng cần thiết, thì chính quyền và giới lãnh đạo phải đóng vai như một đầu máy tàu để lôi kéo cả chuyến tàu nặng nề và ù lỳ cho theo kịp tốc độ lịch sử. Từ đó, chính trị và công quyền Việt Nam luôn nằm trong logic một chiều, từ trên xuống, và cưỡng chế. Giá trị tập thể, tổ chức, quốc gia là những tiền đề tổng quan mà cá nhân phải hy sinh cho chúng. Cá nhân từ đó bị đòi hỏi hy sinh cho tổng đề lớn mà bị bỏ quên chính mình. Đây là nguồn gốc của mọi vấn đề con người và tập thể hiện nay ở Việt Nam.

Thêm vào đó là thực trạng văn hóa chính trị và truyền thống tổ chức mang những khuyết điểm lớn lao trước nhu cầu của thời đại. Trước hết, hệ thống chính trị Việt Nam chưa có một cơ chế để khai mở năng thức đồng thuận của chính sách ở tầm mức quốc gia vĩ mô. Qua lịch sử nước nhà, năng động văn hóa công dân của người Việt cho đến giờ này vẫn ở bản sắc phản ứng (chống ngoại xâm, lòng yêu nước) thay vì mang một cơ sở tích cực và hỗ tương giữa các khối quyền lực và quyền lợi trên căn bản tổ chức có ý thức và có truyền đạt. Chúng ta có thể đánh đuổi được ngoại xâm (yêu nước bị điều kiện, phản ứng và tiêu cực) nhưng chúng ta không tránh được nội loạn vì bất lực trị nước, an dân. Trong tinh thần triết học Khổng Tử thì đất nước Việt Nam vẫn chưa có được một minh vương có đủ sức mạnh lý tính và tinh thần đi đôi với tài năng lãnh đạo và quản trị nhằm chế ngự được vọng động đồng lúc khai mở dân trí và ý chí trách nhiệm công dân của bách tánh thiên hạ. Cái thiếu sót là của lãnh đạo, đã đành, nhưng cũng vì một văn minh lãnh đạo chưa đạt đến cái văn hóa tổ chức hướng thượng và tích cực nhằm tác động đoàn tàu quốc dân đi đến một cách quân bình và hợp lý.

Khi chúng ta phân tích và đánh giá về các vấn đề Việt Nam, công việc đi tìm hay đổ lỗi cho một số những nguyên nhân giới hạn nào đó, dù đúng, vẫn chỉ ở tầm mức rời rạc và góc cạnh. Tâm thức nào thì xã hội đó; cộng nghiệp nào thì văn minh và văn hóa đó. Cái tình trạng thối nát, tiêu cực lan tràn trong công quyền Việt Nam thể hiện một bản sắc văn hóa tiêu cực và thối nát của quần chúng và từng cá nhân Việt Nam. Văn hóa và lịch sử cũng là những yếu tố chính cho tình trạng xuống cấp này. Cuộc chiến vừa qua đã tiêu thụ quá nhiều cái năng lực hướng thượng của quốc dân Việt Nam. Sau theo là vai trò chủ động chính trị và công quyền, kinh tế và văn hóa của một tập thể lớn bao gồm những con người thiếu trình độ học vấn, thiếu văn hóa và tinh thần công dân. Từ đó, trên lãnh vực chính trị công quyền, vai trò công dân của con người Việt Nam không kiến tạo được một nền tảng giá trị dân sự hỗ tương cho chế độ lãnh đạo trung ương. (Vấn đề thiếu cơ hội chính trị cũng là một nguyên nhân quan yếu). Tức là, theo quy tắc logic của suy giải, các tiêu đề của công dân Việt Nam không thể hoàn tất tính hợp lý của công quyền (governmental validity) cho quốc gia bởi vì chính mỗi đơn vị công dân không hoàn tất nổi vai trò hợp lý của chính họ. Từ mỗi thất bại của từng đơn vị công quyền địa phương, từng cán bộ nhà nước, từng công ty quốc doanh, từng cơ sở giáo dục, từng dự án, từng chính sách... đã làm cho cả cơ đồ quy trình logic công quyền quốc gia Việt Nam đứng bên bờ vực thẳm của bất hợp lý.

- *Vì vậy, quy nạp luận là cơ bản cho chính trị và công quyền Việt Nam*

Từ cơ sở logic suy giải, Việt Nam đã giải quyết những nhu cầu lịch sử trên mức độ tồn vong cho dân tộc. Nay thời gian đó đã đi qua. Cái văn hóa chính trị và tinh thần công dân cho thời chiến đã tiêu hóa hết thiết yếu tính của nó. Đã đến lúc phải có một văn hóa chính trị và công quyền của thời bình, của phát triển. Đây là thời điểm mà quy trình logic phải được đổi chiều: từ suy giải đến quy nạp.

1. Tức là, trên phương trình chính trị và công quyền, khởi điểm cho mọi chính sách phải được bắt đầu từ đơn vị cá thể công dân đến quốc dân, từ mỗi cá nhân cán bộ đến tổ chức, từ địa phương đến trung ương, từ vi mô đến vĩ mô. Đặc thù và cá thể là đơn vị logic cho mọi nỗ lực tổng quan hóa cho năng động chính sách. Phải xây dựng lại con người trên nhiều phương diện: kinh tế, công quyền, dân sự. Chính sách "thay máu" nhân sự hiện nay của chính phủ Việt Nam bằng cách trẻ trung hóa cán bộ công quyền cũng như đòi hỏi trình độ giáo dục căn bản cho chức vụ trong chính phủ là một nỗ lực quan trọng. Công trình này đòi hỏi thời gian và nhiều cố gắng - vì văn hóa và trình độ cho đội ngũ cán bộ nhà nước không thể thay đổi một sớm một chiều mà phải đòi hỏi cả một quá trình tiến hóa khó khăn.

2. Nói khác đi, cần phát động một cuộc cách mạng từ dưới lên trên, từ mỗi công dân đến tập thể, từ đoàn viên đến tổ chức, từ cá nhân và xã hội, từ địa phương đến trung ương. Cá thể công dân trước, quốc gia sau. Trên phương trình quy nạp luận thì nhu cầu phát huy và làm vững chắc từng đơn vị cơ bản phải hoàn tất vững chắc như là một điều kiện cần thiết trước khi vươn lên với kết luận tổng thể. Mỗi cá thể là mỗi tiền đề thiết yếu cho phương trình quy nạp chính sách. Từ đó, tư cách pháp nhân, ý thức và đạo đức công dân là những tiền đề cần thiết cho cơ đồ pháp chế quốc gia và xã hội. Kiến tạo một chế độ pháp quyền kiểm chế lẫn nhau cho cấp độ địa phương song song với một chính sách công dân, từ làng xã, phường xóm nhằm tạo những năng động quân bình lẫn nhau cho nhu cầu công quyền cũng như là chống tiêu cực và lộng quyền.

3. Cường bách một chế độ tu nghiệp đạo đức lương năng cho tất cả các tầng mức cán bộ công quyền để tạo ý thức trách nhiệm, lương tâm và luân lý nghề nghiệp. Nạn thối nát, lộng quyền, tiêu cực quá mức độ ở Việt Nam đang càng gia tăng không phải chỉ vì cán bộ nghèo về kinh tế mà nghèo về ý thức và ý chí đạo đức. Nguyên nhân lớn không phải chỉ vì chính mỗi cá nhân mà thôi, mà vì từ cả một khối văn hóa công quyền, đến ý thức đạo đức nghề nghiệp của cả xã hội chưa có cơ hội phát huy. Hãy chữa ngay cái căn bệnh hy sinh kiểu mới của cán bộ nhà nước hiện nay - cái tinh thần hy sinh đời này để cứu đời sau trong chiến tranh không thể được chuyển sang hy sinh nghề nghiệp, cuộc đời, danh dự nhằm đổi lấy một số lợi lộc kinh tế nhằm giúp cho gia đình bà con.

- *Nhưng không rơi vào logic quy giảm luận*

Phương trình xây dựng cho những biến số cho luận lý quy nạp phải được phân biệt minh định với quy giảm luận (reductionism). Trong logic quy nạp, cá nhân là khởi điểm, là hiện thân và là cứu cánh cho chính sách - chứ cá nhân không phải là những đơn vị giá trị tự túc, cũng không phải là nguồn gốc của giá trị và chân lý. (Lý luận này cũng tương tự như triết học tri thức siêu nghiệm - *epistemological transcendentalism* - của Kant và thuyết "tâm bất sanh" của *Kinh Lăng Nghiêm*). Tức là, giá trị và chân lý đến từ tác thành của từng đơn vị cá nhân và các nhân tố xã hội nhưng cứu cánh và chân lý cho con người không phải đến từ hay là phát sinh bởi cá nhân hay là các đơn vị nhân tố xã hội. Đây là

một cảnh giác về mức độ ý thức nhân văn vốn cần thiết cho sự khủng hoảng của con người thuần xã hội và kinh tế cũng như là sự thất bại của con người thuần tôn giáo. Logic quy nạp dự phóng một chân lý trên mức độ lý thuyết vốn cần kinh nghiệm và thời gian để chứng minh. Nhưng sự thật này không như là nguyên đề trong logic suy giải vốn mang tính chất giáo điều nhằm áp đặt xuống đôi vai cá nhân để bắt hẳn phải hy sinh đời sống và giá trị cá thể cho chân lý tập thể. Quy nạp luận cũng không như quy giảm luận vốn quan niệm cá nhân con người là cứu cánh tối hậu. Quy nạp luận đánh giá con người như là khởi điểm của chân lý vì mỗi cá thể là một hiện thân của chân lý thường hằng. Với cơ sở chính sách đặt trên quy nạp luận, chúng ta hy vọng tránh được năng động mâu thuẫn và căng thẳng giữa con người kinh tế và con người lịch sử, giữa con người thế gian và con người tôn giáo. Tức là nó bắc được nhịp cầu hóa giải giữa cá nhân và tập thể, giữa con người và xã hội, giữa thiết yếu tính của thường nghiệm và khả thể tự do của lý tưởng.

1. Trên cơ sở logic quy nạp, giá trị cá nhân là nền tảng của sức mạnh quốc gia. Phong hóa và bản sắc văn minh công dân (civic cultures) trong một hệ thống xã hội dân sự (civil societies) quân bình và tích cực là nền tảng tiến hóa cho con người và quốc gia vốn nhấn mạnh đến khả năng tự giáo hóa và tự ý thức.
2. Vì vậy, tiến trình quan trọng hơn mục tiêu, hành xử chính sách quan trọng hơn là kết quả chính sách. Trong logic quy nạp, cá thể công dân sẽ được có cơ hội và không gian riêng tư cho khả năng hiện thực hóa tiềm tàng của mỗi người theo một logic nội tại của chính mình. Quốc gia với cơ chế tổ chức, luật pháp và chính sách là nhằm tạo cơ hội và môi trường cho cá nhân phát triển.

- *Tránh nhầm lẫn giữa những cõi giá trị khác biệt*

Vấn đề của quy giảm luận như là một quy trình logic cho giá trị của thời đại hôm nay nằm ở chỗ nhầm lẫn luận lý của những cõi khác biệt (a logical mixing of planes). Giá trị cá thể con người khác với giá trị tập thể xã hội; giá trị của công việc khác với giá trị của cứu cánh. Sự trộn lẫn của cái này, ở tầm mức này với những cứu cánh và chân lý của những tầm mức khác và cao hay thấp hơn đã làm cho con người và xã hội ngày nay mất hướng và chỉ còn có ta và thế gian. Con người cứ nhìn tội ác như là bằng chứng đủ để từ chối Trời Phật; lấy ái ái dục như là mục tiêu của hiện hữu và không còn gì hơn; lấy kết quả thử nghiệm trên cơ bản dữ kiện để kết luận cho chân lý phổ quát.

Trên phương diện xã hội và công quyền thì con người dân sự (civil person) - vốn tự túc và độc lập với quốc gia - thì bị phủ nhận gần như toàn diện bởi cá thể công dân (citizen) - vốn là một đơn vị pháp lý. Ở Việt Nam, con người dân sự gần như bị đánh mất mà thay vào đó là những đơn vị công dân thuần khẩu hiệu, thiếu hiệu năng và thiếu ý thức. Tức là, Việt Nam thiếu một nền tảng xã hội dân sự để nâng đỡ và bổ khuyết phong hóa công

dân vốn bị chính trị hóa về mọi mặt. (Sự nhầm lẫn của sự chuyển ngữ từ "civil society" là "xã hội công dân" cũng nói lên ít nhiều về điều sai lỗi này).

Một nhân văn mới

G. I. Gurdjieff, một đạo sĩ gốc Armenia, thường hay nói với P. D. Ouspenski, một triết gia người Nga, rằng, "Con người ta có một ảo tưởng là họ có thể làm nên việc. Chẳng ai làm gì cả." ("Men can do nothing but they have the illusion that they can"). Gurdjieff cho rằng con người tây phương hiện đại không phải là "người" mà là những "bộ máy" - theo đó thì quá trình hiện đại hóa và khoa học hóa tây phương là một chuỗi dài cơ giới hóa ("mechanization") tâm thức con người. Mà đã là máy móc thì con người không có độc lập nội tâm, không có tự do hành động và không thể làm chủ chính mình. Nói như R. Guénon của Pháp thì thời bây giờ là một triều đại thống trị của số lượng ("the reign of quantity") mà mọi thứ kiến thức và giáo dục chỉ nằm ở phía hiện tượng bề mặt. Thực trạng của kẻ sĩ thời đại là những kẻ đầy kiến thức vay mượn (derived knowing) nhưng bất lực với cuộc đời, với thân xác, với ý chí, với cá tánh, với ái dục. Điều này nói lên sự khác biệt giữa tri kiến (knowledge) và tinh hoa (being) của con người. Nhân loại có thể được thăng cấp về lý tính (rational) nhưng lại càng trở nên máy móc (mechanical), có thể tự do hơn về mặt khách quan nhưng lại bị nô lệ nhiều hơn về nội tâm. Là những kẻ sĩ Việt Nam chúng ta phải ý thức rõ về cái vấn đề cơ bản này của thời đại và con người tây phương.

Khi người Pháp đến đô hộ chúng ta, họ đem đến một năng động văn minh mới, một hệ thống biểu tượng tôn giáo mới, một loại con người mới - con người bị động và mất quân bình giữa hai luồng văn hóa. Dân tộc chúng ta phản ứng lại triệt để trên lãnh vực chính trị, quân sự - nhưng bị đồng hóa trên phương diện văn hóa và giá trị. Từ mặc cảm thua kém trước nền văn minh mới, những phạm trù trí thức của tây phương được chúng ta tiếp nhận một cách nhiệt tình và mù quáng. Trong đó có *Marxism*. Dân tộc Việt Nam phản ứng với thời cuộc và tình cờ làm lên lịch sử - chứ chưa bao giờ có đủ cơ hội để ý thức và làm chủ sinh mệnh lịch sử cho mình. Từ bối cảnh phán xét đó, đã đến lúc chúng ta thử nhìn lại cái cơ sở căn bản cho quốc gia và dân tộc Việt. Đó là vấn đề nhân văn.

Cái khó khăn của Việt Nam là một khủng hoảng nhân văn - một khối lịch sử bị động và mất quân bình. Một đảng thì tiền đề lịch sử và tập thể trong quy trình logic suy giải không còn được chấp nhận như là một nguyên lý phổ quát cho cá thể cống hiến sinh mệnh của mình. Đảng kia thì một luồng văn hóa quy giảm và hậu hiện đại đánh phá các phạm trù giá trị một cách triệt để. Con người Việt Nam vừa mất thần linh vừa mất thế gian. Hẳn đã đi theo tây phương suốt thế kỷ trước để đóng cửa tầng trên của đời sống tinh thần với chủ nghĩa duy vật kinh tế. Nay hẳn cũng đi theo tây phương để phá bỏ cái sàn nhà đang đứng để rơi vào tầng dưới của thú vật với một thứ duy vật thực dụng mới. Con người Việt Nam cần phải được phục hưng.

Nhưng trên cơ bản nào? Không ai có khả năng trả lời cho câu hỏi này. Đây là vấn đề tự ý thức. Không ai cho chúng ta sự thật - mà tự trong nội tâm, ánh sáng phải tự khai mở lên cho mỗi người. Đừng nên để cái logic lịch sử đi trước chính mình. Mỗi người phải nâng cao khả thể tự ý thức lên ngang hàng với khả năng tự ý thức của thời đại và các khối lịch sử chủ động. Nếu không, chúng ta mãi mãi sẽ là những nạn nhân của những năng động văn minh mới. Trong ý thức và tình cảm con dân Việt, chúng ta hãy tự mình soi thấy cho chính mình nhằm hiểu rõ cái "đề uẩn" (bản sắc) của sử Việt (lời Lý Đông A) để theo đó định hướng một viễn kiến cho quốc gia và dân tộc đứng trên và có từ cơ bản của mỗi cá nhân. (California tháng 7, 2003)